

# ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

ThS. TRƯƠNG ĐỨC CƯỜNG\*

**Abstract:** Since 2006, culture management branch of Ho Chi Minh university of culture has obtained achievements, contributing to improve human resource quality. The university has applied flexible strategy in training, diversifying forms of training such as formal training, local training and work - study training.

**N**gành *Quản lý văn hóa* (QLVH), có mã số 52220342 (trước đây còn gọi là ngành văn hóa quần chúng) - là một ngành đào tạo nguồn nhân lực về lĩnh vực hoạt động văn hóa trên phạm vi cả nước. Trong 10 năm qua (từ 2006 đến nay), nhằm đào tạo theo nhu cầu xã hội, chương trình đào tạo ngành QLVH ngày càng được hoàn thiện, góp phần vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo dựng được thương hiệu của Trường Đại học Văn hóa (ĐHVH) Thành phố (TP) Hồ Chí Minh. Ngoài ra, nhà trường đã vận dụng “kế sách” hết sức linh hoạt trong đào tạo: đa dạng hóa loại hình, hình thức đào tạo như liên kết với các cơ sở đào tạo ở các địa phương và đào tạo theo địa chỉ, với các hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo liên thông.

## 1. Thực trạng kết quả đào tạo cử nhân QLVH theo nhu cầu xã hội của Trường ĐHVH TP. Hồ Chí Minh

Chặng đường 10 năm chưa phải là dài, nhà trường vừa phải hoàn thiện chương trình, giáo trình, vừa nâng cao chất lượng đội ngũ, đồng thời hoàn thiện nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị, phương tiện dạy học. Với cơ chế mở và cấu thị trường, nhà trường đã thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Từ những năm 2000, khi chuẩn bị chính thức đào tạo đại học ngành QLVH, nhà trường đã tranh thủ được kinh nghiệm và chất xám của đội ngũ giảng viên (GV) chất lượng cao. Nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đầu ngành của ngành Văn hóa và Khoa học xã hội và nhân văn đã trực tiếp tham gia xây dựng nhiều bộ giáo trình, những công trình khoa học quý giá, đặt nền móng vững chắc trong việc đào tạo ngành QLVH. Tuy nhiên chương trình giảng dạy vẫn theo Liên Xô (cũ), hệ thống giáo trình chưa được cải tiến, vẫn theo lối mòn cũ. Có những giáo trình đã trở nên lạc hậu nhưng vẫn chưa được

chỉnh sửa bổ sung. Nhưng với phương châm vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nhà trường đã chủ động tìm ra hướng đi mới, dựa vào đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm và đội ngũ GV tâm huyết và sáng tạo. Nhà trường đã xây dựng được những môn học phù hợp với ngành QLVH và yêu cầu của các địa phương. Tính từ 2006 đến nay, trên 6.000 người học tốt nghiệp cử nhân ngành QLVH, trong đó có 1.517 cử nhân hệ chính quy; 2.976 cử nhân hệ vừa làm vừa học và 1.543 cử nhân hệ liên thông (Số liệu do Phòng Đào tạo của Trường cung cấp). Người học tốt nghiệp hầu hết đã có việc làm theo đúng ngành nghề, nhiều người hiện nay đã và đang nắm những trọng trách quan trọng trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước ở Trung ương và các địa phương.

Vấn đề mà nhà trường quan tâm là giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học gắn với hoạt động thực tiễn. Ngay trên giảng đường đại học, sinh viên (SV) đã phát huy được tinh thần độc lập, sáng tạo, tiếp thu được các phương pháp giải quyết vấn đề khoa học mà xã hội đặt ra cho họ trước khi bước vào nghề. Song song với việc học tập, nghiên cứu khoa học cũng là những yêu cầu đặt ra đối với người học trong giai đoạn này. Với 25 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường của các thế hệ SV, 25 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 34 đề tài nghiên cứu cấp trường của cán bộ, GV Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh về văn hóa Trường Sơn, Tây Nguyên và Nam bộ đã được ứng dụng, những thành quả ấy đã và đang phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo (Số liệu do Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế cung cấp).

Ngoài ra, từ năm 2012 đến nay, nhà trường đã đào tạo trình độ thạc sĩ cho chuyên ngành này và

\* Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh

trong tương lai sẽ tiếp tục đào tạo trình độ tiến sĩ vào năm học 2016. Đây là cơ hội cho những cử nhân ngành QLVH muốn tiếp tục học tập và nghiên cứu ở những trình độ cao hơn.

## **2. Một số giải pháp đào tạo cử nhân ngành QLVH đáp ứng yêu cầu xã hội**

Ngành QLVH là ngành đào tạo thuộc nhóm khoa học xã hội liên ngành. Ngoài phần kiến thức đại cương theo quy định chung, cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế một cách hợp lý, một số chuyên ngành thuộc nhóm nghệ thuật có tính đặc thù như: âm nhạc, sân khấu, mỹ thuật, múa, điện ảnh, tổ chức sự kiện... rất cần được quan tâm, là yêu cầu đặt ra cho công tác quản lý (QL) nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội thì cần có một hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ, có mối liên hệ biện chứng chặt chẽ với nhau:

**2.1. Hoàn thiện giáo trình ngành QLVH.** *Khối kiến thức cơ sở ngành* là những môn học trang bị cho người học những khái niệm, vị trí, vai trò, bản chất, đặc điểm, hệ thống và phân loại các loại hình nghệ thuật (7 loại hình nghệ thuật), lược trình phát triển, những trường phái nghệ thuật của thế giới và Việt Nam, phân loại các thành tố văn hóa, vùng văn hóa Việt Nam; hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam và quốc tế liên quan đến QL hoạt động văn hóa nghệ thuật, công tác thanh tra, kiểm tra trong ngành văn hóa và vấn đề gia đình trong hoạt động văn hóa, những nguyên lý cấu thành, lịch sử phát triển và xu hướng biến đổi của gia đình, giá trị chuẩn mực trong văn hóa gia đình Việt Nam truyền thống cũng như những vấn đề đặt ra cho gia đình hiện nay.

*Khối kiến thức ngành*, là phần kiến thức quan trọng, tiền đề cho việc thực hiện nhiệm vụ đối với mỗi cử nhân văn hóa, bao gồm các môn học: Chính sách văn hóa, Kinh tế học văn hóa, Công nghiệp văn hóa, Marketing văn hóa nghệ thuật, Văn hóa cộng đồng, QL thiết chế văn hóa, Di sản văn hóa, Tổ chức QL các sự kiện văn hóa... với những kiến thức cơ bản, thể hiện vai trò, đặc điểm, cấu trúc, mối quan hệ tương tác của kinh tế với văn hóa, hoạt động văn hóa nghệ thuật trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở Việt Nam; quy trình sáng tạo và phân phối các sản phẩm văn hóa; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, nhân sự của thiết chế văn hóa, các hình thức, phương pháp, kỹ năng xây dựng, phát triển tổ chức hoạt động, QLVH cộng đồng; QL các sự kiện văn hóa, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện.

*Khối kiến thức chuyên ngành*, là những môn học nhằm trang bị kỹ năng nghiên cứu khoa học về văn hóa; quản trị hành chính văn phòng; QL dự án văn hóa nghệ thuật; công tác tuyên truyền bằng ngôn

ngữ nói, cổ động trực quan, tuyên truyền bằng các loại hình nghệ thuật; quy trình tổ chức, xác định giá trị của sự kiện, tổ chức sản xuất chương trình và tổ chức thực hiện kỹ năng sáng tác, biểu diễn, dàn dựng tác phẩm âm nhạc; tác phẩm múa; kiến thức nền tảng về tạo hình, nghệ thuật trang trí ứng dụng; nghệ thuật biên kịch; nghệ thuật đạo diễn phục vụ cho các chương trình văn hóa nghệ thuật ở cơ sở.

Ngoài ra, trong quá trình đào tạo, nhà trường còn tạo điều kiện cho người học được lựa chọn môn học, để họ chủ động phát huy được sở trường, năng lực, khả năng riêng biệt của bản thân. Chính vì vậy, trong chương trình của ngành QLVH còn có phần tự chọn nhằm phát huy sở trường, năng lực, năng khiếu của người học đã dự tuyển ở đầu vào trong khâu tuyển sinh. Phần tự chọn này được thể hiện từ cơ sở ngành, kiến thức ngành cho đến chuyên ngành.

**2.2. Chuẩn hóa đội ngũ GV.** Đội ngũ GV, đây là đội ngũ quyết định chất lượng và “thương hiệu” của nhà trường, do đó cần phải đầu tư để đạt chuẩn về trình độ. Trong quá trình phát triển của nhà trường và sự thay đổi theo nhu cầu xã hội, một số môn học đã được thay thế bằng những môn học khác trong khi một số GV lại chưa kịp thay đổi vì nhiều lý do: tuổi đời đã cao, ngành đào tạo của GV không gắn với môn học mới... cho nên tình trạng thiếu GV vẫn thiếu nhưng GV không có môn dạy vẫn còn, tạo nên những bất cập mới mà nhà trường cần tiếp tục tìm ra những giải pháp phù hợp. Mặt khác, đối với GV nghệ thuật, ngoài năng lực, kinh nghiệm giảng dạy còn cần những GV/nhà giáo tâm huyết yêu nghề, có trình độ chuyên môn sâu và thành thạo kỹ năng, kỹ xảo... là những điều kiện vô cùng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, cần khai thác đội ngũ này sao cho họ phát huy được sở trường, năng lực, kinh nghiệm, “xả thân vì sự nghiệp”. Điều này phụ thuộc vào năng lực QL, lãnh đạo của nhà trường, nghệ thuật dùng người của người lãnh đạo và cơ chế, chính sách của nhà nước. QL tốt đội ngũ GV sẽ làm cho chương trình đào tạo được vận hành một cách thông suốt, chất lượng giáo trình, bài giảng sẽ được nâng cao, phương pháp giảng dạy sẽ được đổi mới và trang thiết bị phục vụ giảng dạy sẽ được khai thác một cách hiệu quả. Nội dung của công tác QL GV bao gồm: quy hoạch đội ngũ; tổ chức tuyển dụng; sử dụng và điều phối nguồn nhân lực; kiểm tra, giám sát, đánh giá, động viên khen thưởng kịp thời và quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất cũng như tinh thần cho đội ngũ GV.

Ngoài ra, để nâng cao năng lực, phẩm chất đội ngũ nhà giáo, đáp ứng kịp thời với những đổi mới của

nhà trường về chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo theo yêu cầu xã hội, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường phải thường xuyên chú ý tới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy.

**2.3. Cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị, phương tiện phục vụ đào tạo.** CSVC, trang thiết bị, phương tiện kĩ thuật, nhạc cụ trong những năm qua đã có nhưng hiện đã cũ và lạc hậu, mặc dù có sự đầu tư và được bổ sung hàng năm nhưng lại thiếu tính đồng bộ. Do đó, việc đầu tư và tiếp tục hoàn thiện CSVC, trang thiết bị, phương tiện là việc làm cần thiết. Đối với một cơ sở đào tạo đa ngành như ngành QLVH, yêu cầu về các phòng chức năng cho từng chuyên ngành (phòng học lí thuyết âm nhạc, sân khấu, múa, phòng học thực hành, phòng tập, xưởng vẽ, sân khấu, phòng tập thể nghiệm, phòng đọc, phòng trưng bày, nhà hát...) là rất khác nhau và mang tính chất đặc thù. Hơn nữa, thiết bị dạy học (thiết bị nghe, nhìn chuyên dùng: âm thanh, ánh sáng, nhạc cụ, đạo cụ, trang phục biểu diễn...) giáo trình chuyên khảo, tham khảo có yêu cầu riêng. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng đào tạo ngành QLVH, cũng cần có cơ sở thực hành, thực tập, biểu diễn để người học có điều kiện rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo, nâng cao tính trực quan và các tình huống diễn ra trong hoạt động thực tiễn.

Hoàn thiện CSVC, trang thiết bị, phương tiện là những yêu cầu đặt ra trong đào tạo ngành QLVH, nhất là trong đào tạo theo học chế tín chỉ, đó là mối quan hệ biện chứng giữa học đi đôi với thực hành; tăng hoạt động của SV là những yêu cầu mới; phát huy khả năng học tập của cá nhân và tập thể, đồng thời tạo điều kiện để tạo nên những nét/phong cách riêng là đặc điểm cần lưu ý trong đào tạo văn hóa nghệ thuật.

**3.4. Quản lí SV.** SV vừa là yếu tố đầu vào vừa là sản phẩm đầu ra của quá trình đào tạo. Chất lượng đào tạo được đánh giá bằng chất lượng đầu ra của SV, chất lượng này phụ thuộc vào chất lượng đầu vào của quá trình đào tạo. Vì vậy QL SV không chỉ là QL quá trình học tập mà còn là QL công tác tuyển sinh và QL SV sau khi tốt nghiệp. Có thể xem xét QL SV theo các nội dung sau:

- *Tổ chức chỉ đạo công tác tuyển sinh và tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh.* Mục đích của công tác tuyển sinh là lựa chọn được những SV có năng lực, có phẩm chất, có sức khỏe đáp ứng nhu cầu tuyển chọn của nhà trường, trên cơ sở các quy định chung của nhà nước, căn cứ vào đối tượng đào tạo, hình thức và

phương pháp đào tạo để lựa chọn hình thức, cách thức tổ chức tuyển sinh cho phù hợp;

- *QL quá trình học tập, rèn luyện* - đây là nội dung chủ yếu của công tác QL SV và ảnh hưởng nhiều đến chất lượng đào tạo. QL SV ở nhiều khía cạnh: QL giờ trên lớp, QL giờ tự học và QL học tập, nghiên cứu khoa học cũng như QL các hoạt động xã hội và hoạt động theo các tổ chức chính trị xã hội;

- *Theo dõi SV sau khi tốt nghiệp* - đầu ra của sản phẩm sau đào tạo. Cần coi trọng quá trình tìm kiếm việc làm của SV và sự trưởng thành của SV sau khi ra trường. Việc theo dõi sản phẩm sau đào tạo giúp nhà trường đánh giá quá trình đào tạo và đổi mới đào tạo, quá trình QL đào tạo phù hợp với sự phát triển KT-XH. Vì vậy, việc theo dõi SV sau khi ra trường cần phải được các trường đại học quan tâm, điều này sẽ góp phần tăng thương hiệu và uy tín cho nhà trường, tạo cơ hội để cựu SV có điều kiện tham gia đóng góp vật chất và tinh thần để xây dựng và phát triển nhà trường nói chung và công tác đào tạo nói riêng.

\*\*\*

Trong những năm qua, ngành QLVH Trường ĐHVH TP. Hồ Chí Minh luôn đổi mới, “nâng cấp” về chất trong đào tạo; chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ đào tạo cho đến công tác tuyển sinh,... bước đầu khẳng định “thương hiệu”, mang tính đột phá đối với đào tạo ngành QLVH. Thành quả ấy dựa trên sự cống hiến của đội ngũ cựu GV đã “truyền lửa” cho lớp lớp các thế hệ, tình yêu nghề và sự say mê trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các học giả, nhà nghiên cứu, nhà khoa học đầu ngành trong nghiên cứu văn hóa và khoa học xã hội nhân văn. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2003). *Lí luận đại cương về quản lí*. Trường cán bộ quản lí Giáo dục.
- [2] Bộ GD-ĐT (2003). *Điều lệ trường đại học*.
- [3] Phan Hồng Giang - Bùi Hoài Sơn (2014). *Quản lí văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Phạm Đức Chính - Nguyễn Tiến Dũng (2014). *Giáo dục đại học Việt Nam góc nhìn từ lí thuyết kinh tế - tài chính hiện đại*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Bành Tiến Long (2007). *Đào tạo theo nhu cầu xã hội ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 17, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [6] Nguyễn Văn Giao - Nguyễn Hữu Quỳnh - Vũ Văn Tảo - Bùi Hiền (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển bách khoa.
- [7] Vietnam National Mekong Committee (2003). *Human Resources Development HDR Plan Formulation Guidelines*.